TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ái Loan
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phạm Phi Long
Ông Hà Văn Quen

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thanh Vân, Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải *tham gia phiên toà:* Bà Đỗ Thị Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/ 2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 về việc: "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Ông Võ Thanh L, sinh năm: 1957 (có mặt)
Bị đơn: Trần Thu L1, sinh năm: 1964 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Khóm A, phường B, thị xã H, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/6/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Võ Thanh L trình bày: Ông và bà Trần Thu L1 tự nguyện tiến đến hôn nhân vào tháng 11/1983 có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống có 02 người con chung, hiện nay đều đã có gia đình tư riêng hết. Đến tháng 6/2006 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng trong công việc và cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Nay tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu giải quyết ly hôn với bà Trần Thu L1; Về con: đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2018 bị đơn bà Trần Thu L1 khai: Bà thống nhất trình bày của ông Võ Thanh L về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông L có người phụ nữ khác bên ngoài, từ đó ông bà thường xuyên cự cãi nhau, 7-8 năm nay ông L không về nhà ở nữa. Cách đây khoảng 3 tháng giữa bà và ông L đã làm tờ thỏa thuận phân chia tài sản và ly hôn. Nay bà cũng

đồng ý ly hôn với ông L; Về con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; Về tài sản: ông bà đã tự nguyện thỏa thuận phân chia xong, không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: không có.

Quan điểm của vị kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải:

Về tố tụng: Về trình tự thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng theo quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn kiện, thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt hợp lệ, đầy đủ và tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông L, cho ông L, bà L1 ly hôn với nhau; Về con, về tài sản chung: các đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét. Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Võ Thanh L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Thu L1, đây là quan hệ ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bà Trần Thu L1 có nơi cư trú và làm việc tại thị xã H, tỉnh Trà Vinh nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Trần Thu L1 vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Thanh L và bà Trần Thu L1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1983 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 thì: "Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết". Tại Mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 quy định: Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Toà án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Như vậy hôn nhân giữa ông L, bà L1 là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, giữa ông L, bà L1 xảy ra mâu thuẫn là có thật, ông bà đều thừa nhận trong thời gian chung sống thường xuyên cãi nhau, ông bà đã ly thân 7 năm nay và cũng đã làm tờ cam kết phân chia tài sản và ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy: tình trạng hôn nhân giữa ông L, bà L1 là đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông L yêu cầu ly hôn bà L1 là có căn cứ chấp nhận, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống ông Võ Thanh L, bà Trần Thu L1 có 02 người con chung hiện nay đều đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: các đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung: không có.

[6] Về án phí: ông Võ Thanh L có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: cho ông Võ Thanh L và bà Trần Thu L1 ly hôn với nhau.

2/ Về tài sản chung: các đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung: không có.

3/Về án phí: Ông Võ Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/0017537, ngày 27/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, ông L đã nộp đủ. Bà Trần Thu L1 không phải chịu án phí.

Báo cho các đương sự có mặt tại Tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- Chi cục THADS thị xã Duyên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ái Loan